

Số: 12 /2013/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2013

THÔNG TƯ

CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
CÔNG VĂN BẢN
Số: 5.24
Ngày 07 tháng 6 năm 2013

**Quy định về việc giao nộp, thu nhận, lưu giữ, bảo quản
và cung cấp dữ liệu về địa chất, khoáng sản**

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật lưu trữ số 01/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về việc giao nộp, thu nhận, lưu giữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu về địa chất, khoáng sản.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc giao nộp, thu nhận, lưu giữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu về địa chất, khoáng sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân giao nộp, thu nhận, lưu giữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu về địa chất, khoáng sản.

Chương II

GIAO NỘP, THU NHẬN DỮ LIỆU VỀ ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

Điều 3. Dữ liệu về địa chất, khoáng sản giao nộp

1. Báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (Báo cáo địa chất);

2. Hồ sơ xây dựng chiến lược, quy hoạch; quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức, đơn giá trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, hoạt động

khoáng sản;

3. Hồ sơ chương trình, dự án, đề án và công trình quan trọng quốc gia về địa chất và khoáng sản;

4. Hồ sơ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

5. Hồ sơ khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia, khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ; khoáng định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khu vực có khoáng sản độc hại;

6. Kết quả thống kê; kiểm kê trữ lượng tài nguyên khoáng sản trên phạm vi cả nước.

Điều 4. Giao nộp dữ liệu về địa chất, khoáng sản

1. Giao nộp báo cáo địa chất

a) Báo cáo địa chất là thông tin về địa chất, khoáng sản của một đề án, dự án nghiên cứu, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; thăm dò khoáng sản đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận tính hợp pháp và giá trị thông tin trong báo cáo. Báo cáo địa chất bao gồm tài liệu tổng hợp, tài liệu nguyên thủy và các mẫu vật (nếu có).

Tài liệu tổng hợp gồm: thuyết minh và các tài liệu tổng hợp được trình bày dưới dạng phụ lục, bản đồ, ảnh minh họa thể hiện đầy đủ các kết quả thực hiện;

Tài liệu nguyên thủy là các loại tài liệu được thu thập tại thực địa, bao gồm: các loại nhật ký, sổ thực địa, các loại bản đồ, thiết đồ, sơ đồ, ảnh chụp, băng, đĩa; các kết quả đo đạc;

b) Báo cáo địa chất sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phải được nộp vào Trung tâm Thông tin Lưu trữ Địa chất thuộc Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

Sau thời hạn 15 ngày kể từ ngày được phê duyệt, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, tổ chức thăm dò khoáng sản có trách nhiệm nộp báo cáo địa chất vào Trung tâm Thông tin Lưu trữ Địa chất.

Số lượng giao nộp: 02 bộ tài liệu in trên giấy và 01 bộ ở dạng tài liệu lưu trữ điện tử.

Hình thức, quy cách Báo cáo địa chất giao nộp quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Các dữ liệu về địa chất, khoáng sản còn lại (trừ báo cáo địa chất)

Các dữ liệu về địa chất, khoáng sản còn lại (trừ báo cáo địa chất) quy định tại Điều 2 sau khi được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu, phê duyệt, công bố hoặc công nhận, thông qua phải được nộp vào Trung tâm Thông tin Lưu trữ Địa chất sau thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nghiệm thu, phê duyệt, công bố hoặc công nhận, thông qua.

Số lượng giao nộp: 01 bộ tài liệu in trên giấy và 01 bộ ở dạng tài liệu lưu trữ điện tử.

Hình thức, quy cách các loại dữ liệu giao nộp được quy định tại các văn

bản quy định riêng của từng loại.

3. Việc giao nộp mẫu vật thực hiện theo quy định riêng.

Điều 5. Thu nhận dữ liệu về địa chất, khoáng sản

1. Trung tâm Thông tin Lưu trữ Địa chất có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra dữ liệu về địa chất, khoáng sản được giao nộp.

2. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các dữ liệu giao nộp theo kết quả đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu, phê duyệt, công bố hoặc công nhận, thông qua;

b) Kiểm tra tính thống nhất của dữ liệu ở dạng tài liệu in trên giấy với dữ liệu ở dạng điện tử;

c) Kiểm tra về hình thức, quy cách các loại dữ liệu giao nộp.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận dữ liệu, Trung tâm Thông tin Lưu trữ Địa chất hoàn thành việc kiểm tra và lập biên bản kiểm tra, cấp Giấy xác nhận giao nộp dữ liệu về địa chất, khoáng sản cho các tổ chức, cá nhân đã giao nộp dữ liệu.

Trường hợp dữ liệu giao nộp chưa đạt yêu cầu theo quy định, biên bản kiểm tra phải nêu rõ các yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện. Trong trường hợp không thống nhất giữa bên giao và bên nhận, Trung tâm Thông tin Lưu trữ Địa chất báo cáo cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Giấy xác nhận giao nộp dữ liệu về địa chất, khoáng sản theo Mẫu số 10 của Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân giao nộp dữ liệu về địa chất, khoáng sản

1. Các tài liệu in trên giấy giao nộp phải là bản chính, bản gốc.

2. Tổ chức, cá nhân giao nộp dữ liệu về địa chất, khoáng sản được cấp Giấy xác nhận giao nộp dữ liệu về địa chất, khoáng sản". Giấy xác nhận cho tổ chức, cá nhân giao nộp báo cáo địa chất có giá trị để xác định việc hoàn thành nhiệm vụ và là một trong các điều kiện để chuyển giai đoạn hoạt động khoáng sản tiếp theo.

Chương III

LƯU GIỮ, BẢO QUẢN VÀ CUNG CẤP DỮ LIỆU VỀ ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

Điều 7. Nguyên tắc lưu giữ, bảo quản

1. Trung tâm Thông tin Lưu trữ Địa chất có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản dữ liệu về địa chất, khoáng sản phải theo quy định của pháp luật về lưu trữ; bảo

quản dữ liệu về tài nguyên và môi trường và các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật thuộc lĩnh vực địa chất, khoáng sản.

2. Kho lưu trữ phải có đầy đủ các thiết bị, phương tiện cần thiết theo quy định của Bộ Nội vụ về kho lưu trữ chuyên dụng.

3. Lưu trữ, bảo quản phải đáp ứng các yêu cầu: đầy đủ, nguyên trạng, an toàn, dễ tra cứu sử dụng.

Điều 8. Thống kê, xác định giá trị dữ liệu

Trung tâm Thông tin Lưu trữ Địa chất có trách nhiệm:

1. Kiểm tra định kỳ hàng năm, thống kê số lượng, chất lượng dữ liệu được lưu trữ, bảo quản.

2. Phân loại dữ liệu về giá trị sử dụng, chất lượng dữ liệu; dữ liệu bị hư hỏng phải được kịp thời phát hiện để có kế hoạch phục chế.

3. Hàng năm báo cáo cơ quan có thẩm quyền về việc lưu giữ, bảo quản dữ liệu về địa chất, khoáng sản.

Điều 9. Tu bổ, phục chế dữ liệu

1. Trung tâm Thông tin Lưu trữ Địa chất có trách nhiệm xem xét, lập danh sách các dữ liệu cần tu bổ, phục chế, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện việc tu bổ, phục chế dữ liệu theo quy định. Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam quyết định phương án phục chế dữ liệu hư hỏng trong quá trình lưu trữ.

2. Dữ liệu sau khi được tu bổ, phục chế phải đảm bảo tính chính xác, không làm sai lệch nội dung và hình thức so với nguyên trạng ban đầu để đưa vào lưu trữ, bảo quản.

Điều 10. Thời hạn lưu giữ, bảo quản dữ liệu

1. Thời hạn bảo quản dữ liệu được xác lập đối với từng loại dữ liệu theo quy định hiện hành: dữ liệu bảo quản vĩnh viễn, dữ liệu bảo quản có thời hạn.

2. Trung tâm Thông tin Lưu trữ Địa chất có trách nhiệm thống kê các loại dữ liệu hết giá trị sử dụng trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt việc huỷ tài liệu.

Điều 11. Cung cấp dữ liệu về địa chất, khoáng sản

1. Trung tâm Thông tin Lưu trữ Địa chất có trách nhiệm cung cấp, xác nhận dữ liệu đã cung cấp.

2. Việc cung cấp dữ liệu về địa chất, khoáng sản thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường. Riêng mẫu văn bản đề nghị cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu về địa chất, khoáng sản quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 12. Công bố, xuất bản các thông tin điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản

Hàng năm căn cứ kết quả điều tra cơ bản và các dữ liệu thu nhận được, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam lập danh mục, nội dung các thông tin điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản cần công bố phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng của các tổ chức, cá nhân, trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt và thực hiện việc công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của Bộ.

Điều 13. Chế độ bảo mật dữ liệu

Việc in, sao, chụp, vận chuyển, giao nhận, truyền dữ liệu, lưu giữ, bảo quản, cung cấp dữ liệu về địa chất, khoáng sản thuộc phạm vi bí mật nhà nước và các hoạt động khác có liên quan đến dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải tuân theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

**Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2013.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam chịu trách nhiệm kiểm tra thường xuyên việc giao nộp, thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu về địa chất, khoáng sản; đôn đốc các tổ chức, cá nhân có liên quan giao nộp dữ liệu về địa chất, khoáng sản vào Trung tâm Thông tin Lưu trữ Địa chất.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các Thứ trưởng;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT; Website của Bộ;
- Lưu: VT, PC. 300.

13 4 8

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Linh Ngọc

Phụ lục 1

HÌNH THỨC, QUY CÁCH BÁO CÁO ĐỊA CHẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 12 /2013/TT-BTNMT
ngày 05 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

I. Thuyết minh

Báo cáo thuyết minh bao gồm phần lời, các biểu bảng, hình vẽ, ảnh minh họa và các văn bản pháp lý được đóng thành một hoặc nhiều quyển.

1. Báo cáo thuyết minh được sắp xếp như sau:

- Trang bìa thứ nhất (mẫu số 1);
- Trang bìa thứ hai (mẫu số 2);
- Mục lục;
- Văn bản pháp lý đi kèm (nếu có);
- Các chương, mục, biểu bảng, hình vẽ, ảnh minh họa của báo cáo;
- Danh mục tài liệu tham khảo (mẫu số 3);
- Danh mục các phụ lục kèm theo báo cáo (mẫu số 4);
- Danh mục các bản vẽ kèm theo báo cáo (mẫu số 5);
- Danh mục tài liệu nguyên thủy (mẫu số 6);
- Danh sách mẫu vật nộp Bảo tàng Địa chất (nếu có).

2. Bố cục và nội dung các chương mục báo cáo được thực hiện theo các quy chế, quy phạm, quy định chuyên ngành hoặc theo đề cương được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Các chương, mục được đánh số liên tục, không trùng lặp.
- Cách viết tên đá, tên khoáng vật, ký hiệu các phân vị địa tầng và các chuyên từ địa chất khác trong báo cáo phải thống nhất;
- Số trang được đánh liên tục (kể cả trang ảnh, biểu bảng và hình vẽ) ở giữa phía dưới trang, không đánh số trang bìa, không dùng ký hiệu phụ kiểu a, b, c... hoặc 1.1, 1.2, 1.3... để đánh số trang.
- Các biểu bảng được đánh số theo chương. Ví dụ, biểu bảng ở chương I sẽ có số hiệu là bảng I.1, I.2, I.3..., biểu bảng ở chương II sẽ là II.1 II.2... Các biểu bảng khổ lớn hơn A4 phải gấp lại theo khổ A4.
- Các hình vẽ minh họa trong báo cáo thuyết minh phải được lập trên giấy khổ A4 hoặc trên giấy khổ lớn hơn nhưng phải được gấp lại theo khổ A4.
- Tất cả các hình vẽ đều phải có chỉ dẫn, thước tỷ lệ, tên hình vẽ, người thành lập và nguồn tài liệu (nếu là tài liệu tham khảo).
- Các bản đồ, sơ đồ được thu gọn để minh họa trong báo cáo phải có tọa độ địa lý ở góc khung, tọa độ trắc địa và lưới tọa độ thống nhất với tọa độ các

